TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 334/2023/HNGĐ-ST Ngày: 02-8-2023 V/v ly hôn giữa anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Ông Vũ Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1975; căn cước công dân số 030075005641; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 55/2 đường ĐQ, phường CN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà A2 Tập thể Sân bay Quốc tế NB, xã PM, huyện SS, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Hương G, sinh năm 1976; căn cước công dân số 036176006729; nơi cư trú: Số nhà 55/2 đường ĐQ, phường CN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10-7-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Vũ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường CN, thành phố NĐ vào ngày 05-6-2006. Sau khi kết hôn, do điều kiện công việc nên anh và chị G thường xuyên sống và làm việc mỗi người một nơi. Vợ chồng không thấu hiểu, thông cảm,

chia sẻ được với nhau, tình cảm lạnh nhạt. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hương G có 01 con chung là cháu Vũ Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-12-2007. Hiện nay, cháu N đang sống với chị G. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị G tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại đơn đề nghị ngày 11-7-2023, bị đơn là chị Trần Thị Hương G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố NĐ vào năm 2006. Quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, khắc phục được nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-12-2007. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị đề ngày 11-7-2023, cháu Vũ Yến N là con chung của anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 10-7-2023, chính quyền địa phương nơi anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G đăng ký thường trú cung cấp: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 05-6-2006 tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố NĐ. Anh T và chị G có 01 con chung là cháu Vũ Yến N, sinh ngày 26-12-2007. Quá trình chung sống của vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn và đang sống ly thân. Tuy nhiên, chính quyền địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của anh, chị và giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Vũ Đình T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Trần Thị Hương G, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là chị Trần Thị Hương G không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T và chị G.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, thành phố NĐ vào ngày 05-6-2006. Như vậy, hôn nhân giữa anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị G đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nay cả anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G đều xác định vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình T, xử ly hôn giữa anh T và chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con chung: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G có 01 (một) con chung là Vũ Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-12-2007. Anh T và chị G đều có quan điểm: Giao cháu Vũ Yến N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi vợ chồng ly hôn. Mặt khác cháu Vũ Yến N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Vũ Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-12-2007 cho chị Trần Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Anh Vũ Đình T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh Vũ Đình T đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử ly hôn giữa anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Yến N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-12-2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Đình T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000201 ngày 03-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

5. Anh Vũ Đình T và chị Trần Thị Hương G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường CN (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05-6-2006);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Anh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường CN (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05-6-2006);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh